

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU THỂ CHẾ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN QUA LUẬT TỤC

ĐINH KHẮC TUẤN

Đã một trong những thiết chế cơ bản của mọi xã hội, hôn nhân và gia đình một mặt phản ánh những quy luật chung nhất của sự phát triển của xã hội loài người, mặt khác nó cũng phản ánh được những giai đoạn khác nhau của lịch sử văn hoá mỗi một tộc người nhất định. Trong các xã hội chưa xuất hiện giai cấp, Nhà nước, thể chế hôn nhân và gia đình được bảo lưu, giữ gìn thông qua tập quán pháp (luật tục). Ở bài viết này, bước đầu chúng tôi muốn giới thiệu những nét cơ bản về lĩnh vực hôn nhân và gia đình một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua luật tục.

Chúng ta biết rằng các cư dân bản địa ở Tây Nguyên đều có luật tục, được truyền miệng dưới dạng văn vần hoặc văn xuôi với những lý lẽ chặt chẽ, sâu sắc. Nội dung của luật tục thường đa dạng, chứa đựng nhiều quy tắc, chuẩn mực về xã hội và xác định rõ những mối quan hệ khác nhau trong cộng đồng. Trong xã hội cổ truyền của các dân tộc thiểu số vùng này luật tục đóng vai trò quan trọng, là cơ sở có tính pháp lý nhằm phục vụ đắc lực cho thiết chế tự quản của buôn làng. Cấu trúc của thiết chế tự quản có thể kể đến những chức vị sau:

Thứ nhất: Người chủ làng, là người đứng đầu một Buôn (Plây, Ploi,) họ có trách nhiệm lo cho dân làng mọi chuyện từ lĩnh vực hoạt động sản xuất vật chất đến lĩnh vực sinh hoạt tinh thần.

Thứ hai: Người chịu trách nhiệm thờ cúng trong làng (Pô Ring Yang, Wer Bri...).

Thứ ba: Người chuyên lo về lĩnh vực quân sự, phòng thủ buôn làng.

Thứ tư: Người chịu trách nhiệm xét xử các vụ vi phạm luật tục (Pô Phát Kđi (Ê - đê), Nê Phát K' đôi (Mnông)...). Mỗi khi trong buôn làng có hiện tượng vi phạm luật tục thì chính những người này sẽ đứng ra xét xử. Trường hợp vi phạm nặng, đích thân người đứng đầu buôn (Pô Pin Ea, K' roanh Bon...) đứng ra giải quyết.

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC LUẬT TỤC

Trong các luật tục, ngoài những quy tắc, chuẩn mực tổng thể, bao giờ cũng có một phần dành cho việc điều chỉnh những mối quan hệ trong hôn nhân và gia

đình^(*). Thuộc lĩnh vực này thường là những nguyên tắc chuẩn mực trong kết hôn, những hành vi không được vi phạm và những quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong mỗi gia đình. Các "điều khoản" thường có hai phần, phần buộc tội và phần xử phạt. Nhìn chung, các hình thức xử phạt chỉ dừng lại ở mức đền bù vật chất (trâu, bò, chiêng, ché) cho người bị hại, chứ ít dùng những hình phạt liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

1. Tội loạn luân

Như đã biết, quan hệ hôn nhân của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên được thực hiện nghiêm ngặt trên nguyên tắc ngoại hôn. Những ai vi phạm nguyên tắc này, nghĩa là có quan hệ hôn nhân hay quan hệ tình dục với người trong cùng dòng họ thì mắc phải tội loạn luân (agãm, agáp; H' tuôi tir dih...), sẽ bị xử phạt. Hình phạt nặng hay nhẹ là do mức độ vi phạm, và xét theo mối quan hệ thân sơ của đôi trai gái.

Với tội trạng này, luật tục Ê - đê chỉ rõ: "*Nó phạm tội trong nhà, nó mê người trong họ. Nó mê chị em cùng một nơi sinh ra, cùng một mẹ đẻ ra... Nếu chúng nó có tình thành vợ thành chồng thì chiêng người ta treo, chúng nó phải ăn trong máng như con chó, con heo, vì không biết họ hàng anh em*" (1). Những trường hợp này chủ buôn buộc người vi phạm phải nộp trâu trắng, gà trắng để tạ tội với thần linh.

Người Mnông, trong luật tục của mình đã quy định rõ ràng rằng những người cùng huyết thống về phía mẹ không được quan hệ hôn nhân. Làm trái điều cấm kỵ đó sẽ bị phạt bằng trâu, bò, heo, gà... Khi những sai phạm đó đã gây nên hậu quả cho buôn làng (dịch bệnh, cháy nhà...), hình phạt sẽ nặng hơn: nộp 1 con voi, 1 con trâu để cúng thần.

2. Tội ngoại tình

Phần lớn các dân tộc thiểu số Tây Nguyên thường không ngăn cấm quan hệ tình dục trước hôn nhân, nhưng dưới góc độ đạo đức và dư luận xã hội không cho phép họ công khai những mối quan hệ đó. Có thể nói rằng, nếu như vấn đề trình tiết trước hôn nhân không coi trọng thì sau hôn nhân vấn đề chung thủy được đặt lên vị trí hàng đầu. Những ai không chung thủy trong hôn nhân sẽ bị cộng đồng dị nghị, xã hội lên án và sẽ bị xử phạt theo luật tục. Ở người Ê - đê tội ngoại tình được quy định bởi 2 cấp độ sau:

+ **Người đàn ông quan hệ với người đàn bà đã có chồng:** Trường hợp này, cả hai người vi phạm đều phải nộp phạt cho người chồng của người đàn bà

(*) Ở dân tộc Ê - đê, đồng bào cho rằng có 5 nội dung then chốt trong luật tục thì đã có 2 nội dung liên quan đến hôn nhân và gia đình. Đó là: 1. Vợ chồng không được bỏ nhau. 2. Tục nối dây. 3. Chủ làng phải tận tâm lo cho dân làng. 4. Dân làng phải nghe lời chủ làng. 5. Chủ đất.

nhiều của cải, trâu bò, chiêng ché, lúa, gạo... Mức độ nhiều hay ít do tội nặng hay nhẹ và do người chồng (của người đàn bà ngoại tình) đòi hỏi. Luật tục Ê - đê luận tội đó như:

"...Chòi đang yên anh gieo khổ qua nhà đang ấm, anh
trồng mướp đắng chiếu mền người ta anh lòi xuống
Tan vợ nát chồng người, đều do anh..."(2)

+ Người vợ ngoại tình khi làm lễ bỏ mả chồng: Theo tập quán người Ê - đê, khi người chồng chết, gia đình chồng sẽ kiếm một người trong dòng họ để thay thế. Nếu như vợ người quá cố không ưng thuận hoặc gia đình chồng không có người thay thế thì sau khi làm lễ bỏ mả chồng, người đàn bà mới được phép lấy chồng khác, người phụ nữ nào vi phạm qui định đó là mắc phải tội ngoại tình. Trường hợp này luật tục cho rằng: "*chồng đã nằm trong hòm, ngồi dưới huyết, mả đã đắp, nhà cơm đã dựng, hồn người chết vẫn chưa đi. Mả mả còn đang giữ, cúng bái vẫn chưa xong, khóc lóc chưa dứt, rượu còn đang lạt, chị đã muốn vội lấy chồng...Gái đi ngoại tình như ngựa quen vào rừng thẳm. Gia đình chưa cho, chị đã tự ý lấy, chú bác ruột không hề hay biết...Mọi phạt và chị phải gánh lấy. Nếu mả cũ cúng bằng heo, mả lớn cúng bằng trâu*" (3). Tuy nhiên, trong luật tục người Ê - đê cũng đã cho phép người vợ được lấy chồng khác, nếu như người chồng cũ đi xa hoặc mất tích không rõ lý do trong một thời gian dài.

Với người Mnông, những trường hợp đã có vợ, có chồng mà lại quan hệ ân ái với người thứ ba thì bị buộc tội H' tuôi lâm ur sai (ngoại tình), với hình thức xử phạt:

- Bồi thường 1 con trâu, 1 con lợn, 6 ché Tang Krak cho bên kia. Sau khi bỏ nhau, phía có tội phải chi phí mọi tốn kém để bên kia đi lấy vợ (chồng) khác.

- Nếu ngoại tình trong nhà người vợ (chồng) hay nhà người khác, phải làm lễ cúng tạ, tẩy uế giường chăn (4)...

Tương tự thế, người Chu - ru, Gia - rai, Ba - na, Xơ - đăng...khi vi phạm điều này cũng bị luật tục phạt bồi thường trâu bò, chiêng ché.

3. Tội hoang thai

Những trường hợp nam nữ thanh niên đến tuổi trưởng thành, trong quan hệ yêu đương mà dẫn đến có thai sẽ bị luật tục phạt nặng. Ở người Mnông luật tục điều chỉnh hành vi này với những nội dung cụ thể: tội chữa trước khi cưới, tội chữa trước khi cưới mà sau đó người con trai không kết hôn; tội quan hệ bất chính trong nhà...

Chẳng hạn, tội chữa trước khi cưới có các hình thức xử phạt sau:

- Lễ cúng chịu phạt cho súc vật trong Bon, mà vật đại diện là voi. Giết 1 con lợn lấy tiết, cùng 1 ché rượu cúng trước đầu voi. Lấy tiết bôi vào tất cả các súc vật trong Bon.

- Lễ chịu phạt cho người, giết 1 chó, 1 bò, 1 vịt lấy tiết để hoà với rượu vấy khắp bề nước, kho thóc, nhà cửa...tránh tai hoạ sau này.

- Nộp phạt cho Bon 1 heo, trước khi cho hai bên cưới nhau (5).

Với người Ê - đê, khi vi phạm điều luật tục trên cả hai gia đình trai gái đều phải nộp phạt: Trâu, bò, heo, gà... , cho buôn làm lễ tạ thần linh.

Ngoài ra, một số tội trạng khác thuộc về hôn nhân và gia đình như tội lấy vợ hai mà chưa được vợ cả chấp thuận, tội đòi li dị mà không đưa ra được chứng cứ...cũng đã được các luật tục các dân tộc vùng này làm rõ. Ví dụ như trong luật tục Mnông chỉ rõ: Trường hợp người chồng (vợ) đưa ra yêu cầu ly dị mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt:

+ 1 con voi (hay trâu), ba bộ chiêng đồng cho bên bị ruồng bỏ; làm lễ cúng tạ bằng một con lợn và 1 ché rượu.

+ Nếu có lý do chính đáng để ly dị (ngoại tình, đe dọa chửi rủa) bên có tội chịu phạt, còn bên kia được phép ly dị.

4. Tục "Nối nôi" (Cuê Nuê, Cuai Nuai...)

Tục lệ này có ở nhiều dân tộc và khá phổ biến trong các dân tộc thuộc ngữ hệ Malayô - pôlynêxia. Theo tục này khi người vợ (chồng) chết đi, dòng họ phía người chết phải đưa ra người khác thay thế. Thực chất của vấn đề là nhằm tăng cường liên minh gia đình và dòng họ đôi bên, là điều kiện để giữ cho liên minh tồn tại lâu dài. Luật tục người Ê - đê cho rằng: "*Khi dâm nhà gãy người ta thay thế dâm nhà khác, khi giát sàn nát, người ta lo sửa sang nó lại; khi có một người nào đó chết, thì người ta thay thế bằng một người khác...*" (6). Người thay thế có thể đến ở ngay với người goá bụa sau khi đã hoàn tất lễ mai táng cho người chết. Với người Chu - ru, Gia - rai phải đợi đến khi làm lễ bỏ mả xong (Pơ thi) mới được phép tiến hành hôn lễ. Đối tượng để tiếp tục kết hôn thay thế người chết được luật tục Ê - đê qui định khá rộng, có đến 5 trường hợp: chị chết em thay, anh chết em thay, cậu chết cháu thay, ông chết cháu thay, bà chết cháu thay (7).

6. Một số qui định, liên quan đến các nghi lễ trong hôn nhân

Hôn nhân các dân tộc thiểu số Tây Nguyên thường trải qua nhiều nghi lễ có tính chất cộng đồng như: lễ dạm hỏi, lễ cưới, lễ lại mặt. Các nghi lễ diễn ra dưới những hình thức khác nhau với sự chứng kiến của buôn làng, của hai gia đình dòng họ trai gái, kèm theo những lời cam kết thực hiện trách nhiệm về vật chất hôn lễ của đôi bên.

Dạm hỏi, là lễ quan trọng đối với mọi dân tộc đặc biệt là đối với các cư dân theo chế độ mẫu hệ (Ê - đê, Gia - rai, Chu - ru, Mnông...). Khi chưa tiến hành được lễ này, nghĩa là chưa thiết lập được mối quan hệ hôn nhân. Chính tại buổi lễ này người đại diện cho hai gia đình (thường là những Dăm dei) sẽ bàn bạc và thống nhất những lễ vật của nhà trai (gái) nộp cho nhà gái (trai), tùy theo chế độ mẫu hệ hay phụ hệ. Sau khi đi đến thống nhất, nhà gái (trai) sẽ trao cho nhà trai (gái) một chiếc vòng đồng (Kông) tượng trưng cho những lời cam kết. Nếu sau này có sự đổ vỡ, chàng trai không muốn lấy cô gái làm vợ - theo luật tục quy định nhà gái sẽ đòi bồi thường "*không thành chồng cô gái đã ưng, làm như thế sẽ bị phạt cúng 1 heo*" (8).

Các dân tộc Gia - rai, Chu - ru, Ê - đê có tục lệ trước khi cưới, người con gái phải sang ở nhà chồng một thời gian (từ 1 -3 năm) để phục vụ, chăm sóc bố mẹ chồng. Có thể đây là sự thử thách tài năng, đức độ nàng dâu của nhà chồng. Trong thời gian thử thách, cô gái phải làm tốt trách nhiệm của mình, nếu không sẽ bị họ hàng lên án, gia đình nhà chồng dị nghị. Luật tục Ê - đê có nói: "*Hôm nọ cha mẹ gả con đã chịu trèo cây dtang... Nhưng sao chiếu không trái, nhà không quét chăn mềm không đắp chung. Sao cơm không nấu, mặt mũi không vui; cam kết bao nhiêu phạt bấy nhiêu*" (9). Hết thời gian thử thách, nhà gái sẽ mang lễ vật đến nộp cho nhà trai như đã cam kết (Ngăn Pnũ), không đúng hẹn, không đủ lễ vật như đã hứa thì bị phạt: "*Nếu họ nhà gái không nộp đủ lễ ngày này, chàng rể sẽ ở cùng cha mẹ mình, như thế là cha mẹ vợ có tội*" (10).

Một vài nơi bên cạnh các tập tục kể trên, các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên vẫn còn lưu giữ tục M'chốp (đính ước). Theo tục lệ đó, những đứa trẻ khi mới sinh ra đã được cha mẹ đôi bên hứa gả cho nhau. Đến tuổi trưởng thành bên nào không thực hiện lời hứa hôn phải chịu trách nhiệm bồi thường.

7. Những điều luật tục điều chỉnh mối quan hệ gia đình (qui định trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ)

Như các dân tộc anh em khác ở Việt Nam, các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong luật tục của mình đã có những chuẩn mực, qui tắc nói đến những mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Chẳng hạn trong các luật tục thường có những điều: con cái phải biết nghe lời cha mẹ, con gây ra tội lỗi cha mẹ phải bồi thường, con cái phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ khi tuổi già...

Những trường hợp con cái không biết nghe lời cha mẹ, luật tục người Ê - đê dùng sức mạnh của cộng đồng, dòng họ để giáo dục những đứa con hư. Với những hình tượng gần gũi trong cuộc sống họ dùng để lý giải những hành động sai trái của con mình một cách nhẹ nhàng: "*Từ tây sang đông, từ thời ông bà xa xưa..., có cây*

mới có tắc kè, có cha mẹ mới có anh. Cây xà dọc ở trên cây xà ngang ở dưới. Anh như chiếc cuốc lật lại chửi mẹ. Như xà gạt quay lại đánh cha..."(11).

Nếu như người Kinh thường căn dặn, khuyên bảo con cái "cá không ăn muối cá ươn, không nghe cha mẹ, trăm đường con hư" thì luật tục người Ê - đê khuyên con trẻ: " *Mẹ cha dạy không nghe, chỉ bảo không nghe. Cỏ dại muốn vượt qua lau. Cỏ tranh đòi cao hơn lách. Heo không vào chuồng nộ mình cho cạp. Gà không vào lồng chôn cáo sẽ tha đi*"(12).

Tương tự, luật tục người Gia - rai cho rằng con cái phải biết vâng lời cha mẹ và không được xúc phạm đến đáng sinh thành. Bằng những câu văn vần có nhịp, có điệu, dễ nhớ; bằng việc liệt kê những sự vật hiện tượng trong đời sống hàng ngày mà trong đó cái bộ phận bao giờ cũng nhỏ hơn cái toàn thể, để từ đó nhấn mạnh rằng: " *Dây buộc chiêng không thể lớn hơn cái chiêng*

Hiên nhà không thể lớn hơn nhà

Hòn đá không thể lớn hơn quả núi

Đập nước không thể dài hơn con sông

(Vây) *con trẻ không thể khinh thường cha mẹ*" (13).

Theo luân thường đạo lý con cái khi đã trưởng thành phải biết lo lắng chăm sóc cha mẹ già. Không làm được điều đó sẽ phải mang tội " *con cái bỏ bê không nuôi nấng cha mẹ già*". Luật tục Ê - đê nhắc nhở: " *Mẹ bỏ con kiến mối. Cha bỏ cho chôn nhím. Việc làm này quá đáng. Phải cúng cha một bò, phải cúng mẹ một heo*" (14).

II. THAY LỜI KẾT LUẬN

1. Giữ gìn và bảo tồn những phong tục, tập quán tốt đẹp của đồng bào, gắn kết các thành viên trong cộng đồng vào một mục tiêu chung: đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau trong cuộc sống...là những giá trị tích cực của luật tục thuộc các dân tộc thiểu số vùng này. Mặt khác thông qua luật tục con người các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đã và đang duy trì được những phẩm chất tốt đẹp: thật thà, chất phác, siêng năng, cần cù trong lao động sản xuất; dân chủ, bình đẳng trong cộng đồng. Xét trên phương diện luật tục về hôn nhân, gia đình của cư dân thiểu số Tây Nguyên cũng đã để lại cho các thế hệ mai sau những bài học còn nguyên giá trị. Đó là truyền thống hôn nhân một vợ một chồng, chung thủy, với những nghi lễ mang bản sắc độc đáo; là khuôn mẫu một gia đình hài hoà, êm ấm con cái biết vâng lời cha mẹ, biết chăm sóc cha mẹ lúc tuổi xế chiều.

2. Song, bên cạnh những giá trị tích cực nêu trên, vẫn còn những yếu tố tiêu cực của thiết chế hôn nhân và gia đình truyền thống trong luật tục cần bàn đến. Đó là các tục " *Nồi nòi*", " *M' chốp*", " *Ngăn Pnũ*", ngày nay không còn phù hợp, là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội trong cư

dân thiểu số vùng này. Do đó, các cấp chính quyền ở Tây Nguyên cần tuyên truyền vận động giúp nhân dân xoá bỏ những tập tục lạc hậu này, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa những nơi còn bảo lưu đậm nét những tàn dư nguyên thủy. Cũng cần lưu ý rằng đối với những phong tục tập quán không còn phù hợp nói chung và luật tục có nội dung về hôn nhân gia đình nổi riêng (mặt tiêu cực), sự can thiệp của Nhà nước, chính quyền các cấp không thể bằng mệnh lệnh hành chính, mà cơ bản là cần giải quyết, xoá bỏ triệt để những cơ sở, nguồn gốc sinh ra nó. Điều đó đồng nghĩa với việc tăng cường phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật cho vùng này, là một trong những biện pháp tốt nhất để đưa Tây Nguyên cùng cả nước tiến lên CNXH.

3. Từ những năm sau ngày đất nước bước vào công cuộc đổi mới, cùng với sự tiến bộ chung trên các lĩnh vực thì trình độ nhận thức văn hoá pháp luật của cư dân thiểu số vùng này đã được nâng lên một bước. Hệ thống pháp luật bước đầu đã đi vào đời sống nhân dân các dân tộc. Từ số liệu của toà án nhân dân các tỉnh Tây Nguyên tổng kết 8 năm thực hiện luật hôn nhân và gia đình (luật sửa đổi bổ sung 1986) (1986 - 1994) cho biết: Ở Kon Tum trong 8 năm qua tổng số vụ án ly hôn của các dân tộc anh em trong toàn tỉnh là 560 vụ, ở Đắc Lắc có 258 vụ. Riêng ở Gia Lai từ 1993 - 1995 toà án nhân dân cấp huyện, thị xã thụ lý và xét xử sơ thẩm 430 vụ trong đó có 44 vụ là người dân tộc thiểu số. Trong 44 vụ án ly hôn đó có các nguyên nhân cơ bản như: tảo hôn, mâu thuẫn gia đình. Cũng trong tổng số vụ án đó có 12 vụ do người chồng đứng đơn (27,27%), vợ đứng đơn 28 vụ (63,64%) và đơn chung 4 vụ (19,09%) (15). Tuy nhiên, ở những vùng xa xôi hẻo lánh, nhiều lúc luật tục vẫn còn chi phối nặng nề, tồn tại song song với luật pháp đang hiện hành. Một số liệu cho thấy trong tổng số 80 vụ ly dị và "ma lai" được đưa ra toà án các cấp xét xử thì có tới 90% trong tổng số đó đã được đồng bào xét xử theo luật tục (16).

Chú thích

- (1)(2)(3)(6)(8)(9)(10)(11)(12)(14) Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Văn hoá dân gian Ê - đê*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội 1992, các trang: 275, 283, 285, 281, 277, 279, 288 và 289.
- (4)(5) Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Văn hoá dân gian Mnông*, Nxb Văn hoá dân tộc, H. 1993, tr. 151, 150.
- (7) Vũ Đình Lợi, *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô Pôlynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb KHXH, H 1992, Tr, 104.
- (13) Tạp chí Văn nghệ dân tộc miền núi, ngày 11-7-1996, Tr. 27.
- (15) Tổng kết 8 năm thực hiện luật hôn nhân và gia đình của toà án nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc (Tài liệu lưu trữ tại các toà án các tỉnh kể trên).
- (16) Đặng Nghiêm Vạn, *Những vấn đề xã hội hiện nay ở Tây Nguyên*, trong: *Tây Nguyên trên đường phát triển*, Nxb KHXH, H, 1989, Tr 145.